

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung
thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 4072/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2010 và Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2020 về việc phê duyệt điều chỉnh, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn sau năm 2020;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 7445/SXD-QH ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035 (kèm theo Tờ trình số 200/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2020 của UBND huyện Hà Trung).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

1.1. Phạm vi, ranh giới:

a) Phạm vi nghiên cứu: Khoảng 2.300ha. Bao gồm toàn bộ diện tích thị trấn Hà Trung, xã Yên Sơn hiện nay và một phần các xã Hà Ngọc, Hà Bình, Hà Lai theo quy hoạch cũ được duyệt nhằm kế thừa và kết nối không gian kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật.

b) Phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch chung bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên thị trấn Hà Trung và xã Yên Sơn, có ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã Hà Bình, xã Hà Lai;
- Phía Nam giáp Sông Lèn;
- Phía Đông giáp xã Hà Thái, xã Lĩnh Toại;
- Phía Tây giáp các xã Hà Tân, Hà Đông và Hà Ngọc.

1.2. Quy mô:

a) Quy mô dân số:

- Theo Quy hoạch chung thị trấn Hà Trung được duyệt năm 2010: Dự báo đến 2020 dân số khoảng 40.000 người (trong khu vực lập quy hoạch).

- Đề xuất điều chỉnh:

+ Dân số hiện trạng năm 2019: Khoảng 17.173 người, gồm: Thị trấn Hà Trung 9.196 người, xã Yên Sơn 7.977 người (theo Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa);

+ Dự báo quy mô dân số đến năm 2035 khoảng: 35.000 người.

b) Quy mô diện tích: Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch chung thị trấn khoảng 2.300 ha; trong đó:

- Diện tích dự kiến mở rộng thị trấn Hà Trung: Khoảng 1.794 ha, gồm:
 - + Thị trấn Hà Trung: 511 ha;
 - + Xã Yên Sơn: 1.283 ha.
- Phần diện tích đưa vào nghiên cứu (không quy hoạch vào đất thị trấn): 506 ha, gồm:
 - + Phần diện tích xã Hà Ngọc khoảng: 290 ha;
 - + Phần diện tích xã Hà Bình khoảng: 130 ha;
 - + Phần diện tích xã Hà Lai khoảng: 86 ha.
- Quy mô khảo sát, đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000 khoảng: 1.794ha; trong đó bao gồm phần khảo sát cập nhật theo đồ án đã phê duyệt tại Quyết định số 4072/QĐ-UBND ngày 16/11/2010 và khảo sát, đo vẽ mới bổ sung phần diện tích khu vực mở rộng.

2. Tính chất đô thị: Là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội của huyện Hà Trung; có chức năng là đầu mối giao thương, dịch vụ thương mại, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

3. Một số chỉ tiêu cơ bản dự kiến về dân số, đất đai và hạ tầng kỹ thuật

3.1. Dự báo quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng năm 2019: Khoảng 17.173 người (thị trấn Hà Trung 9.196 người, xã Yên Sơn 7.977 người);
- Dự báo quy mô dân số đến năm 2035 khoảng: 35.000 người.
- Dân số tăng thêm đến năm 2035 là: 17.827 người.

3.2. Dự báo quy mô đất đai:

- Đất xây dựng đô thị: khoảng 550-600 ha. Trong đó:
 - + Đất dân dụng: khoảng 350 ha;
 - + Đất ngoài dân dụng (đất công nghiệp, kho tàng, ga đường sắt, y tế, giáo dục cấp vùng,...): khoảng 200-250 ha;
- Đất khác (dự trữ phát triển, nông nghiệp, lâm nghiệp, mặt nước...): khoảng 1.194 - 1.244ha.

* Mật độ dân cư trên toàn đô thị: Khoảng 100 người/ha.

(Dự báo quy mô dân số và đất xây dựng đô thị sẽ được cụ thể hóa trong quá trình nghiên cứu lập đồ án điều chỉnh quy hoạch).

3.3. Chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án được xác định theo tiêu chí của đô thị loại V có xem xét, áp dụng thêm các tiêu chí đặc thù khác; phải tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN01:2019/BXD và các Quy chuẩn chuyên ngành khác có liên quan. Một số chỉ tiêu chính:

- Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị: tối thiểu 4m²/người;
- Đất giao thông tính đến đường phân khu vực: tối thiểu 18% đất xây dựng đô thị;
- Đất công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN01:2019/BXD.
- Chỉ tiêu điện năng: tối thiểu 1500 KWh/người/năm; phụ tải 500W/người;
- Cấp nước sinh hoạt tối thiểu 120 lít/người/ngày đêm; tỷ lệ cấp nước 100%;
- Thoát nước thải: tối thiểu 80% nước cấp;
- Chất thải rắn: 0,9kg/ng/ngđ;
- Thu gom xử lý chất thải rắn: 100%.

4. Các vấn đề cần giải quyết trong đồ án quy hoạch

- Trên cơ sở đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn sau năm 2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 4072/QĐ-UBND ngày 16/11/2010, rà soát, phân tích, đánh giá hiện trạng điều kiện tự nhiên, dân số, sử dụng đất, không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường; đánh giá công tác quản lý, thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt; xác định các vấn đề cơ bản cần giải quyết trong đồ án.

- Xác định mục tiêu, tính chất và động lực phát triển đô thị.
- Lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong đồ án.
- Dự báo về kinh tế - xã hội, tỷ lệ đô thị hóa, quy mô dân số, đất đai, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

- Định hướng phát triển không gian đô thị gồm hướng phát triển và cải tạo đô thị; phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị; xác định các trung tâm, công viên cây xanh, quảng trường trung tâm và không gian mở của đô thị; tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị, trục không gian chính.

- Định hướng quy hoạch sử dụng đất đô thị theo các giai đoạn quy hoạch.

- Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị gồm giao thông, cao độ nền và thoát nước mưa, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, thoát nước bẩn, quản lý chất thải và nghĩa trang.

- Kinh tế đô thị: Luận cứ xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch; đề xuất, kiến nghị nguồn lực thực hiện.

5. Các yêu cầu nghiên cứu chủ yếu

5.1. Yêu cầu về khảo sát, thu thập tài liệu.

a) Yêu cầu khảo sát, địa hình:

- Khảo sát địa hình tỷ lệ 1/5.000 hệ toạ độ VN2000, độ cao Nhà nước.

- Hồ sơ khảo sát địa hình phải đảm bảo theo quy định tại Luật đo đạc bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018 của Quốc hội; Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc bản đồ.

b) Yêu cầu điều tra hiện trạng và thu thập tài liệu, số liệu:

- Các số liệu điều tra hiện trạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hạ tầng kỹ thuật..., phải sử dụng số liệu điều tra mới nhất, có hệ thống bảng biểu kèm theo; trích dẫn nguồn số liệu.

- Phân tích, đánh giá hiện trạng về kinh tế - xã hội; dân số, lao động; sử dụng đất đai; hiện trạng về xây dựng; kiến trúc cảnh quan, khả năng sử dụng quỹ đất hiện có và quỹ đất dự kiến phát triển; cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường đô thị;

- Điều tra nghiên cứu đánh giá hiện trạng cần phân tích vị trí, vai trò, mối quan hệ tổng hợp của đô thị trong tổng thể các quy hoạch liên quan, đối với toàn huyện; Sự khác biệt, tính đặc thù và tiềm năng đô thị về các mặt tự nhiên, xã hội, dân số, đất đai, môi trường, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật, các yếu tố ảnh hưởng tới cấu trúc đô thị....từ đó xác định động lực chính phát triển của đô thị;

- Đánh giá quỹ đất phát triển đô thị trong khu vực lập quy hoạch. Khai thác tối đa quỹ đất thuận lợi để phát triển đô thị;

- Rà soát đánh giá quá trình tổ chức xây dựng đô thị theo quy hoạch được duyệt năm 2010, chỉ ra những nội dung, chỉ tiêu của quy hoạch cũ (từ xác định tính chất đô thị, quy mô đô thị, đến việc tổ chức không gian và phân khu chức năng, tổ chức hạ tầng kỹ thuật đô thị...). Đánh giá những nội dung phù hợp và chưa phù hợp để đề xuất phương hướng bổ sung, điều chỉnh. Cập nhật các quy hoạch đã và đang triển khai trên địa bàn.

5.2. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian đô thị, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, di sản, di tích, các công trình đầu mối, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và đánh giá môi trường chiến lược.

a) Yêu cầu về định hướng phát triển không gian đô thị:

- Hướng phát triển không gian đô thị như sau:

- + Hướng phát triển chính của đô thị về phía Đông Tây nhằm liên kết Quốc lộ 1A và Quốc lộ 217; Phát triển về phía Bắc nhằm kết nối với đô thị Cừ và thị xã Bỉm Sơn.

- + Phát triển không gian đô thị được xác định theo các giai đoạn 5 năm, 10 năm. Từ đó, xác định hệ thống các trung tâm, vị trí quy mô các khu chức năng trong đô thị, những khu vực cần cải tạo, những khu vực hiện hữu chỉnh trang, nâng cấp, những khu vực phải được bảo vệ, các khu quy hoạch xây dựng mới, các khu cần xây dựng và các khu vực dự kiến phát triển mở rộng đô thị...

- Phương án tổ chức không gian phải gắn với nguồn lực thực hiện quy hoạch, khả năng khai thác quỹ đất (lấy quy hoạch để thực hiện quy hoạch), đồng thời phải đảm bảo cảnh quan, môi trường và phù hợp với định hướng phát triển lâu dài. Định hướng rõ các trụ cột để tập trung phát triển;

- Nghiên cứu khai thác, kết nối với các hạ tầng kỹ thuật đầu mối Quốc gia như: Quốc lộ 1A... sự liên kết với các đô thị xung quanh, để mở ra hướng phát triển mới cho đô thị;

- Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị; khu hiện có hạn chế phát triển, khu chỉnh trang, cải tạo, khu cần bảo tồn, tôn tạo; các khu chuyển đổi chức năng; khu phát triển mới; khu cấm xây dựng, các khu dự trữ phát triển;

- Xác định các vùng kiến trúc, cảnh quan, các trục không gian chính, quảng trường, cửa ngõ đô thị, điểm nhấn đô thị; đề xuất tổ chức không gian, kiến trúc cho các khu vực trên;

- Xác định các khu vực đất thuận lợi phát triển đô thị để định hướng bố trí các khu chức năng trong đô thị như: trung tâm hành chính, trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm công cộng, văn hóa thể dục thể thao, công viên, đất ở...

- Thiết kế không gian kiến trúc điển hình, công trình điểm nhấn phù hợp với đặc điểm tự nhiên, điều kiện văn hóa, xã hội tại khu vực nghiên cứu;

- Xác định mô hình cấu trúc không gian: Ý tưởng cấu trúc không gian của thị trấn Hà Trung phải phù hợp với quy mô đô thị đã được xác định, khai thác các yếu tố vị trí, địa hình cảnh quan, các di tích lịch sử văn hoá trong vùng, đồng thời đảm bảo sự kết nối không gian giữa các khu chức năng trong đô thị với các khu vực lân cận;

- Phải lưu ý các yếu tố tự nhiên, văn hoá, lịch sử đặc thù: Các điểm di tích văn hóa, lịch sử .v.v... trong việc tổ chức không gian của đô thị.

b) Yêu cầu về bảo tồn và phát triển cảnh quan thiên nhiên và di tích lịch sử:

- Nghiên cứu cải tạo, khai thác tối đa các khu vực cảnh quan hiện hữu của thị trấn Hà Trung và xã Yên Sơn nhằm tạo các công viên cây xanh, không gian phục vụ du lịch - dịch vụ và vui chơi giải trí, sinh hoạt văn hóa - TDTT cho đô thị và khu vực;

- Trong quá trình xây dựng hoàn thiện đô thị, việc bảo vệ hệ thống tự nhiên, sinh thái cần được sử dụng đồng thời như là hệ thống hạ tầng xanh đô thị. Cần đầu tư cải tạo các điều kiện cảnh quan bằng cách tạo ra thêm những vùng nước mặt, kết nối mặt nước, trồng cây xanh cho đô thị.

- Nêu rõ các khu vực có danh thắng, cảnh quan cần bảo tồn, kết hợp với di tích lịch sử định hướng trong phát triển kinh tế xã hội của đô thị. Đối với di tích lịch sử văn hóa, đồ án cần cập nhật và có những đề xuất mới về cải tạo không gian, quy mô cũng như xây chuỗi phát huy giá trị các di tích phục vụ phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch.

- Cần có những chiến lược phát huy, phát triển trọng điểm biến những di tích, tài sản văn hóa trở thành tiềm lực kinh tế, du lịch. Trong đó phát huy các cấu trúc dòng tộc lịch sử là một công cụ rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế, du lịch, bất động sản của khu vực thị trấn Hà Trung mở rộng.

c) Yêu cầu về công trình hạ tầng xã hội đô thị:

- Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, đào tạo; hệ thống công viên cây xanh, không gian công cộng và quảng trường đô thị.

- Căn cứ quy mô dân số và những đặc điểm của đô thị, tính toán các chỉ tiêu các công trình hạ tầng xã hội phù hợp các quy chuẩn hiện hành.

d) Yêu cầu về phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị:

- Nghiên cứu về sự phát triển của đô thị được tác động bởi các tuyến Quốc lộ đang được đầu tư, nâng cấp xây dựng để xác định các điểm đầu nối, đầu mối hạ tầng kỹ thuật, kết nối giao thông và các công trình kỹ thuật khác đảm bảo tổng thể hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung và cơ cấu hoàn chỉnh của đô thị.

- Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất phát triển đô thị; xác định cốt xây dựng cho toàn đô thị và từng khu vực;

- Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính đô thị và hệ thống tuynel kỹ thuật;

- Xác định nhu cầu và nguồn cung cấp nước, năng lượng; tổng lượng nước thải, rác thải; vị trí, quy mô, công suất các công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối của hệ thống cấp nước, năng lượng và chiếu sáng đô thị, thông tin liên lạc, thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình khác.

- Định hướng phát triển hạ tầng giao thông trong khu vực phải đảm bảo tuân thủ Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển GTVT tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 29/8/2017; cập nhật, bổ sung các tuyến đường đã được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận bổ sung vào quy hoạch tại Văn bản số 10577/UBND-CN ngày 05/8/2020; số 13628/UBND-CN ngày 30/9/2020.

e) Yêu cầu về thiết kế đô thị:

Nghiên cứu các vùng kiến trúc, cảnh quan trong đô thị; đề xuất tổ chức không gian cho các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các tuyến phố chính, các trục không gian chính, quảng trường, không gian cây xanh, mặt nước và các điểm nhấn trong đô thị; Nghiên cứu xác định tầng cao tối đa, tầng cao tối thiểu của công trình xây dựng thuộc các khu chức năng của đô thị.

f) Yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược:

Đánh giá các tác động môi trường đô thị và đề xuất biện pháp để giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường trong đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị, nội dung theo quy định tại Khoản 7 Điều 15 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP.

g) Các yêu cầu khác:

Trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch, đề nghị tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan (Luật Đất đai; Luật Phòng, chống thiên tai; Luật Thủy lợi; Luật Lâm nghiệp,...); hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành; cập nhật các quy hoạch, dự án trong khu vực lập quy hoạch.

6. Danh mục hồ sơ đồ án

a) Sản phẩm khảo sát địa hình: Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5000 để phục vụ lập đồ án quy hoạch phải được thẩm định, nghiệm thu theo quy định của pháp luật.

b) Sản phẩm quy hoạch: Theo quy định tại Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng, gồm:

- Phần bản vẽ:

+ Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Xác định vị trí, ranh giới lập quy hoạch; thể hiện các mối quan hệ giữa đô thị và vùng, khu vực có liên quan về kinh tế - xã hội; điều kiện địa hình, địa vật, các vùng có ảnh hưởng lớn đến kiến trúc cảnh quan đô thị; hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các vấn đề khác tác động đến phát triển đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ 1/10.000 – 1/25.000.

+ Bản đồ hiện trạng: Sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại, cây xanh, nhà ở, ...); hiện trạng giao thông, cấp điện và chiếu sáng đô thị, cấp nước, cao độ nền và thoát nước mưa, thoát nước bẩn; thu gom chất thải rắn, nghĩa trang, môi trường. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất xây dựng trên cơ sở từ thuyết minh có tiêu chí đánh giá phù hợp về địa hình, điều kiện hiện trạng, địa chất thủy văn; đánh giá về giá trị sử dụng đất: Xác định các khu vực thuận lợi, ít thuận lợi, không thuận lợi cho phát triển các chức năng đô thị; xác định các vùng cấm, hạn chế phát triển đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị (tối thiểu 02 phương án kèm theo thuyết minh nội dung về tiêu chí xem xét, lựa chọn các phương án). Thể hiện theo tỷ lệ thích hợp.

+ Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng theo các giai đoạn quy hoạch. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

+ Các bản vẽ thiết kế đô thị theo quy định của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD.

+ Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược: Hiện trạng và đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

- Phần văn bản:

+ Thuyết minh tổng hợp, thuyết minh tóm tắt của đồ án quy hoạch (phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh liên quan).

+ Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan.

+ Tờ trình xin phê duyệt quy hoạch.

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch (nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010).

+ Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung đô thị (theo quy định tại Điều 35 Luật quy hoạch đô thị 2009, Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016).

c) Các yêu cầu hồ sơ:

- Bản đồ minh họa trong thuyết minh được thu nhỏ theo khổ giấy A3, in màu;

- Bản đồ dùng cho việc báo cáo thẩm định in màu theo tỷ lệ thích hợp; số lượng tài liệu dùng cho báo cáo thẩm định được xác định theo yêu cầu của hội nghị;

- Hồ sơ trình duyệt lập thành 10 bộ in màu đúng tỷ lệ với đầy đủ thành phần kèm theo 04 bộ hồ sơ màu in vừa khổ giấy A0 (chủ đầu tư 01 bộ, các cơ quan thẩm định, quản lý 03 bộ), 04 đĩa CD ghi toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án bao gồm bản vẽ, thuyết minh và các văn bản liên quan.

7. Nguồn vốn, kinh phí thực hiện

* Yêu cầu: Rà soát, xác định các khu vực đã ổn định và đã hợp lý trong quy hoạch đã được duyệt không cần điều chỉnh, làm cơ sở để lập dự toán kinh phí thực hiện khảo sát, lập quy hoạch theo quy định hiện hành.

* Giao UBND huyện Hà Trung chủ động bố trí nguồn vốn từ ngân sách huyện; căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng thẩm định, phê duyệt dự toán cho công tác tổ chức lập quy hoạch đảm bảo quy định của pháp luật hiện hành. Trong đó bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí tư vấn lập quy hoạch đô thị;
- Chi phí khảo sát, thành lập bản đồ địa hình;
- Chi phí thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch, thẩm định bản đồ địa hình;
- Chi phí thực địa phục vụ thẩm định đồ án quy hoạch;
- Các chi phí khác.

8. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Thanh Hóa.
- Cơ quan chủ đầu tư và trình duyệt hồ sơ: UBND huyện Hà Trung.
- Cơ quan tổ chức thẩm định: Sở Xây dựng Thanh Hóa.
- Đơn vị lập quy hoạch: Lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định hiện hành.
- Thời gian hoàn thành: Không quá 12 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được duyệt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Hà Trung và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, CN.
- H5.(2020)QDPD_NV DC QHC Thị Tran

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm